

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

CHUẨN BỊ CHUNG

Giấy, bút, thẻ chữ số 0–9 và bảng hàng do người lớn kẻ. Thẻ giá trị có thể thay cho nhiều đơn vị theo quy ước; không cần đếm hàng triệu đồ vật.

CÁCH TỔ CHỨC

Đọc đúng dữ kiện của từng nhiệm vụ; em có thể viết, lập bảng hàng hoặc dùng thẻ giá trị để giải thích.

Kiểm lại kết quả bằng cấu tạo số, phép tính ngược hoặc một cách khác phù hợp.

LƯU Ý CHUNG

Để trẻ tự làm rồi giải thích mối quan hệ đã dùng. Đọc lại nguyên đề khi cần, không đọc đáp án trước.

Số có nhiều chữ số được tách nhóm ba chữ số để dễ đọc. Chấp nhận khoảng cách nhóm khác nhau nếu số và giá trị các hàng đúng.

Ghi riêng phần được giúp; không dùng tốc độ hoặc số trang đã làm làm bằng chứng đã hiểu.

Bài 1 · tr. 01 **Đổi chỗ hai thừa số để tính**

Mục tiêu Dùng tính giao hoán nhân và phân biệt với phép chia.

Ví dụ $24 \times 125 = 125 \times 24 = 3000$. Đổi chỗ hai thừa số không đổi tích.

Câu 1 · tr. 01 36; tính giao hoán của phép nhân.

Câu 2 · tr. 01 $250 \times 16 = 4000$.

Câu 3 · tr. 01 8568; hai tích bằng nhau do tính giao hoán.

Câu 4 · tr. 01 Không; $48 : 6 = 8$ còn $6 : 48$ không là phép chia hết có thương tự nhiên. Phép chia không giao hoán.

Bài 2 · tr. 01 **Nhóm các thừa số cho thuận tiện**

Mục tiêu Dùng giao hoán và kết hợp nhân để tạo tích 10, 100, 1000.

Ví dụ $25 \times 17 \times 4 = (25 \times 4) \times 17 = 100 \times 17 = 1700$.

Câu 1 · tr. 02 $(125 \times 8) \times 7 = 1000 \times 7 = 7000$.

Câu 2 · tr. 02 $(16 \times 5) \times 25 = 80 \times 25 = 2000$; hoặc $16 \times (25 \times 5) = 16 \times 125 = 2000$.

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Bài 2 · nhiệm vụ 3 · tiếp tục

Câu 3 · tr. 02 Nhóm 4 và 25: $(4 \times 25) \times 39 = 100 \times 39 = 3900$.

Câu 4 · tr. 02 Không; dùng giao hoán để đổi vị trí 6 và 4 rồi kết hợp để nhóm 25 với 4. Kết quả 600.

Bài 3 · tr. 02 **Dùng quan hệ giữa nhân và chia**

Mục tiêu Dùng tích để suy ra phép chia và tìm thành phần chưa biết.

Ví dụ Vì $24 \times 36 = 864$ nên $864 : 24 = 36$ và $864 : 36 = 24$.

Câu 1 · tr. 02 $1260 : 28 = 45$; $1260 : 45 = 28$.

Câu 2 · tr. 02 $x = 1728 : 24 = 72$; $72 \times 24 = 1728$.

Câu 3 · tr. 02 $x = 42 \times 36 = 1512$; $1512 : 36 = 42$.

Câu 4 · tr. 03 $x = 960 : 24 = 40$; x khác 0. Kiểm $960 : 40 = 24$.

Bài 4 · tr. 03 **Nhẩm và kiểm kết quả phép nhân chia**

Mục tiêu Nhẩm bằng tính chất phép tính, kiểm bằng cỡ kết quả hoặc phép ngược.

Ví dụ $250 \times 12 = 250 \times 4 \times 3 = 1000 \times 3 = 3000$; phép chia ngược $3000 : 12 = 250$ giúp kiểm.

Câu 1 · tr. 03 $25 \times 4 \times 7 = 100 \times 7 = 700$.

Câu 2 · tr. 03 90; $90 \times 80 = 7200$.

Câu 3 · tr. 03 1800; 72 gấp đôi 36 nên tích gấp đôi 900.

Câu 4 · tr. 03 $16 = 2 \times 8$, nên cần nhân tiếp 8: $125 \times 16 = 250 \times 8 = 2000$.

Bài 5 · tr. 04 **Chọn cách tính thuận tiện và giải thích**

Mục tiêu Chọn tính chất phù hợp, trình bày phép biến đổi có căn cứ và kiểm kết quả.

Ví dụ 48×25 có thể tính $12 \times (4 \times 25) = 1200$. Chỉ nhóm lại các thừa số; không tự đổi một thừa số mà quên bù.

Câu 1 · tr. 04 $125 \times 8 \times 3 = 1000 \times 3 = 3000$; tạo được tích 1000.

Câu 2 · tr. 04 Thương 336 vì $336 \times 25 = 8400$; có thể nhận $25 \times 4 = 100$ để tính $8400 \times 4 : 100 = 336$.

Câu 3 · tr. 04 $44 \times 25 = (11 \times 4) \times 25 = 11 \times 100 = 1100$ nhẩm; chấp nhận cách khác đúng và có giải thích.

Câu 4 · tr. 04 Quy tắc đó sai: $4 \times 25 = 100$ nhưng $4 \times 100 : 2 = 200$. Đúng là nhân với 100 rồi chia cho 4, vì $25 \times 4 = 100$.